TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32 /2024/DS- ST
Ngày: 16 - 8 - 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Giang;

Các Hội*nhân dân:* Ông Lê Thế Kỳ và bà Lê Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm***nhân dân*** huyện Đ, tỉnh Đắk Nông ***tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Kiều O – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại Phòngán Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyếtđưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-DS ngày ngày 01 tháng 7 năm 2024 và quyết định tạm ngưng phiên tòa số 06/2024/QĐST-DS ngày 17/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Tú N, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/8/2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Năm 2021 và năm 2023, nguyên đơn cho bà Nguyễn Thị Bích P vay 03 lần, tổng số tiền là 265.000.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 10/7/2021 cho vay 65.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 27/8/2023; ngày 30/10/2021 cho vay

70.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 30/5/2023 và ngày 28/5/2023 cho vay 130.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 28/6/2023;

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ nhưng bà Nguyễn Thị Bích P không thực hiện; vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích P trả tiền gốc 265.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, theo biên bản xác minh ngày 06 tháng 01 năm 2024 tại Công an xã Đ, kết quả xác minh cho thấy bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1979 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thônAn, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, trong quá trình tòa án giải quyết vụ án bà P không còn sinh sống tại địa phương; bà P đi đâu vào thời gian nào và hiện tại đang sinh sống ở đâu bà P không khai báo, nên chính quyền địa phương không xác định được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ đối với bà Nguyễn Thị Bích P. Do bà P vắng mặt nên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bà P.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dânBị đơn vắng mặt gâycản trở cho hoạt động thu thập chứng cứ của T.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P phải trả cho nguyên đơn bà Võ Tú N số tiền 265.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay 265.000.000 đồng từ năm 2021 và năm 2023; Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn cư trú tại xã Đ, huyện Đ; căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, các giấyvay tiền gốc mà nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn đã ký và ghi rõ họ tên; hợp đồng vay

mượn tiền thể hiện ý chí tự nguyện của các bên. Về nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và trái đạo đức xã hội; về hình thức đảm bảo theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, các hợp đồng vay tiền trên có hiệu lực pháp luật.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành thu thập bút tích gốc của bà Nguyễn Thị Bích P để trưng cầu giám định; tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã N và Công an xã N cho biết là không có lưu trữ. Vì vậy, không tiến hành trưng cầu giám định để so sánh chữ ký chữ viết được.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên số tiền 265.000.000 đồng.

[6] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Tú N

1.1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P phải trả cho nguyên đơn bà Võ Tú N số tiền 265.000.000 đồng.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích P phải nộp 13.250.000 *(mười ba triệu hai trăm năm mươi nghìn)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Võ Tú N số

tiền 6.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002120 ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Đ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký